TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2024/DS-PT
Ngày 03-7-2024
V/v "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ;

Ông Hồ Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 28 tháng 2 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 224/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị Thúy L, sinh năm 1990; cư trú tại: Khu Y, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; *vắng mặt.*

Người đại diện hợp pháp của của nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng Minh T, sinh năm 1989; cư trú tại: số G, đường L, khu phố D, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh là đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 21-3-2023); *có mặt*.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số A đường N, khu phố C, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: Số A khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; *có mặt.*

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Ngọc O, sinh năm: 1978 và chị Võ Thị N1, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; *vắng mặt.*

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thúy L *và người đại diện theo ủy quyền của chị* L *trình bày:*

Thông qua mối quan hệ làm ăn, chị Mai Thị Thúy L có cho chị Nguyễn Thị Cẩm N vay số tiền 02 lần tổng cộng là 6.500.000.000 đồng, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 29-3-2022 chị N vay 3.500.000.000 đồng, lãi suất 2%, thỏa thuận vay 03 tháng, chị N có thế chấp cho chị L 01 giấy chứng nhận QSDĐ diện tích 1442,5 m^2, thửa 452, tờ bản đồ số 48 do anh Phạm Công T1 và Đỗ Thị Bé E đứng tên.

- Lần 2: Ngày 02-6-2022 chị N vay 3.000.000.000 đồng, nhận tiền 02 lần, lần 1 ngày 02-6-2022 là 2.000.000.000 đồng, ngày 04-6-2022 chị N nhận 1.000.000.000 đồng, lãi suất 2%, thỏa thuận vay 03 tháng, chị N có thế chấp cho chị L 01 giấy chứng nhận QSDĐ diện tích 2.280,2 m^2, thửa 432, tờ bản đồ số 48 và ký hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ đối với thửa đất số 269, tờ bản đồ số 01, diện tích 597 m^2 do chị N đứng tên.

Chị N có trả cho chị L được 03 tháng tiền lãi của khoản vay 3.500.000.000 đồng là 210.000.000 đồng. Sau đó, chị N mượn lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ đã giao cho chị L để vay Ngân hàng lấy tiền trả cho chị L, chị L đồng ý, nhưng sau khi mượn giấy đất lại, chị N không trả tiền cho chị L.

Do đó, chị L yêu cầu chị N trả số tiền 6.500.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật tạm tính đến ngày khởi kiện là 971.000.000 đồng và tính lãi tiếp theo cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Tại Tòa anh Nguyễn Hoàng Minh T là đại diện theo ủy quyền của chị L xác định lãi suất hai bên thỏa thuận là 5% không phải 2% và đã nhận 01 tháng lãi của khoản vay 3.000.000.000 đồng là 175.000.000 đồng, 01 tháng tiền lãi của khoản vay 3.000.000.000 đồng là 150.000.000 đồng nên giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu đòi lại thửa đất số 293, tờ bản đồ số 01, diện tích 997 m^2 chị L đồng ý trả khi chị N trả xong nợ.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N *trình bày:*

Đối với khoản vay ngày 29-3-2022 : Chị thừa nhận ngày 29-3-2022 chị có ký giấy mượn tiền chị L *3.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền này chị* L *không đưa 01 lần bằng tiền mặt mà chuyển khoản cho chị nhiều lần, cụ thể:*

- Ngày 13-02-2022 chị L chuyển cho chị 500.000.000 đồng nên ngày 14-02-2022 hai bên có làm giấy vay tiền 500.000.000 đồng, ghi thời hạn 03 tháng trả và

chị có giao cho chị L giấy chứng nhận QSDĐ thửa 432, tờ bản đồ số 48, diện tích 2.280,3 m ^{2}, địa chỉ thửa đất tại ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- Ngày 16-02-2022 chị L chuyển 1.000.000.000 đồng

- Ngày 11-3-2022 chị L chuyển 1.000.000.000 đồng

- Ngày 29-3-2022 chị L chuyển 1.000.000.000 đồng.

Sau khi chuyển khoản xong, ngày 29-3-2022 hai bên mới làm giấy vay tiền, thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng (từ ngày 29-3-2022 đến ngày 29-6-2022). Tuy nhiên "giấy vay tiền" của chị L ghi chị giao giấy chứng nhận QSDĐ thửa 432, tờ bản đồ số 48, diện tích 2.280,3 m ^{2}, địa chỉ thửa đất tại ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh đồng thời chuyển nhượng QSDĐ thửa 269, tờ bản đồ số 01, diện tích 597 m2, địa chỉ thửa đất tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh là không đúng; còn "giấy mượn tiền" của chị ghi khoản vay thứ nhất 1.500.000.000 đồng chị giao giấy chứng nhận QSDĐ thửa 432, tờ bản đồ số 48, diện tích 2.280,3 m ^{2}, địa chỉ thửa đất tại ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh và khoản vay thứ hai 2.000.000.000 đồng chị giao thửa đất 293, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Thửa đất này chị nhờ chị L đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ hiện chị L đang giữ giấy. Chị xác định phần ký tên bên cho vay và bên vay của "giấy mượn tiền" của chị cung cấp và "giấy vay tiền" do chị L cung cấp là của chị và chị L ký viết.

Khoản vay này chị đã trả cho chị L được 1.500.000.000 đồng, việc trả không có làm biên nhận hay giấy tờ gì và cũng không ai biết. Hiện khoản vay này chị còn nợ chị L 2.000.000.000 đồng.

Đối với khoản vay 3.000.000.000 đồng ngày 02-6-2023, số tiền này chị L *cũng không đưa 01 lần bằng tiền mặt mà chuyển khoản cho chị nhiều lần, cụ thể như sau:*

- Ngày 27-4-2022 chị L chuyển cho chị 425.000.000 đồng nhưng nội dung để chuyển mượn tiền 600.000.000 đồng, thực tế là chị L đã trừ 01 tháng tiền lãi của khoản vay 3.500.000.000 đồng là 175.000.000 đồng.

- Ngày 04-5-2022 chị L chuyển cho chị 150.000.000 đồng

- Ngày 02-6-2022 chị L chuyển cho chị 1.050.000.000 đồng nhưng chị L ghi nội dung chuyển mượn 2.000.000.000 đồng, thực tế chị cộng số tiền chị L chuyển có 1.800.000.000 đồng, chị hỏi thì chị L nói trừ tiền lãi tháng 05-2022 của khoản vay 3.500.000.000 đồng là 175.000.000 đồng. Do tiền vaychuyển nhiều ngày khác nhau nên chị L cộng tiền thừa của nhiều ngày và tính thành 200.000.000 đồng.

- Ngày 04-6-2022 chị L chuyển cho chị 1.000.000.000 đồng

Sau khi chuyển xong ngày 04-6-2022 hai bên mới làm giấy vay tiền, thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng (từ ngày 02-6-2022 đến ngày 02-9-2022). Tuy nhiên, giấy vay tiền của chị L ghi chị giao giấy chứng nhận QSDĐ thửa 452, tờ bản đồ số 48, diện tích 2.280,3m^2, địa chỉ thửa đất tại ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh do anh Phạm Minh T2 và chị Đỗ Thị Bé E đứng tên là không đúng.

Nhưng chị xác định phần ký tên bên cho vay và bên vay của giấy vay tiền của chị L cung cấp là của chị và chị L ký viết.

Ngoài ra, chị L và chị có ra Văn Phòng công chứng Dương Kim H làm văn bản ủy quyền cho chị L toàn quyền quyết định đối với hai thửa đất số 296 và 260 tại ấp C, xã L do chị đứng tên để bảo đảm cho khoản vay 3.000.000.000 đồng.

Khoản vay này chị trực tiếp trả tiền mặt cho chị L 2.500.000.000 đồng vào ngày 06-01-2023, chị L có viết biên nhận, hiện còn thiếu chị L 500.000.000 đồng.

Về lãi suất cũng như việc trả lãi: Lãi suất hai bên thỏa thuận là 6%, không phải 2% như chị L khai.

- *Đối với khoản vay 3.500.000.000 đồng*:

+ Ngày 27- 4-2022 chị trả 175.000.000 đồng chị L trừ trong số tiền vay 600.000.000 đồng chị L chuyển cho chị 425.000.000 đồng.

+ Ngày 02-6-2022 chị L trừ 200.000.000 đồng tiền lãi trong số tiền chị L chuyển cho mượn 1.800.000.000 đồng nhưng chị L ghi nội dung tổng cộng là 2.000.000.000 đồng

+ Ngày 28-6-2022 chị chuyển trả lãi cho chị L 175.000.000 đồng

- *Đối với khoản vay 3.000.000.000 đồng*:

+ Ngày 04-7-2022 chị chuyển trả cho chị L 150.000.000 đồng tiền lãi

Trong tháng 7 năm 2022 chị bán cho chị L 01 phần đất 5m x 20 m ở phường I, thành phố T với giá 1.800.000.000 đồng. Tuy chị L chưa giao đủ tiền nhưng chị vẫn làm thủ tục sang tên cho chị L xong, tiền mua bán đất hiện nay chị L đã thanh toán xong, cụ thể tiền này chị L trả như sau:

Chị L đặt cọc trước 540.000.000 đồng, đến ngày 15-7-2022 chuyển 150.000.000 đồng, tổng cộng hai đợt là 690.000.000 đồng; ngày 20-7-2022 chị L chuyển 310.000.000 đồng.

Ngày 28-7-2022 chị L chuyển trả cho chị số tiền 225.000.000 đồng (thay vì chuyển 400.000.000 đồng), chị L trừ tiền lãi của khoản vay 3.500.000.000 đồng là 175.000.000 đồng và ghi nội dung chuyển tiền mua đất đợt 4 là 1.400.000.000 đồng.

Ngày 04-8-2022 chị L chuyển 250.000.000 đồng (thay vì chuyển 400. 000.000 đồng), chị L trừ tiền lãi của khoản vay 3.000.000.000 đồng là 150.000.000 đồng và ghi nội dung chuyển tiền mua đất thửa đất phường IV là 1.800.000.000 đồng.

Như vậy tiền lãi của khoản vay 3.500.000.000 đồng, chị trả lãi cho chị L 725.000.000 đồng; tiền lãi của khoản vay 3.000.000.000 đồng chị trả lãi cho chị L 300.000.000 đồng.

Ngày 29-11-2022 chị có thương lượng với chị L và viết một tờ cam kết trong vòng 02 tháng từ ngày 01-12-2022 đến hết ngày 30-01-2023 sẽ trả cho chị L từ 2.000.000.000 đồng cho đến 3.000.000.000 đồng với điều kiện hai bên phải ra

phòng công chứng hủy bỏ hợp đồng ủy quyền mà chị và chị L đã ký cho chị L toàn quyền quyết định đối với 02 thửa đất 296 và 260 cho chị, chị L đồng ý nên ngày 30-11-2022, chị và chị L đến phòng công chứng Dương Kim H hủy bỏ hợp đồng ủy quyền và chị L đã trả lại 02 giấy chứng nhận QSDĐ đối với 02 thửa đất trên cho chị.

Ngoài ra, ngày 05-12-2022 chị chuyển trả cho chị L 22.000.000 đồng, ngày 12-12-2022 chuyển trả cho chị L 130.000.000 đồng từ tài khoản của chị mở tại Ngân hàng Q qua tài khoản của chị L mở tại Ngân hàng S và ngày 21-01-2023 chuyển trả cho chị L 5.000.000 đồng nhưng cả ba lần chuyển này không ghi nội dung là chuyển trả nợ gốc hay lãi.

Hiện tại, chị xác định: Khoản vay 3.500.000.000 đồng chị đã trả cho chị L được 1.500.000.000 đồng, còn nợ lại 2.000.000.000 đồng; Khoản vay 3.000.000.000 đồng chị đã trả cho chị L được 2.500.000.000 đồng, còn nợ lại 500.000.000 đồng. Tổng cộng 02 khoản vay còn nợ là 2.500.000.000 đồng. Do chị nợ tiền lãi chị L của 02 khoản vay từ tháng 09 -2022 đến tháng 01 -2023 mỗi tháng là 300.000.000 đồng, 05 tháng là 1.500.000.000 đồng. Chị xác định tiền vay còn nợ gốc 2.500.000.000 đồng và lãi 1.500.000.000 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi là 4.000.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả chị L số tiền nợ gốc 2.500.000.000 đồng. Không đồng ý trả 6.500.000.000 đồng và lãi suất theo yêu cầu của chị L.

Ngày 06-12-2023, chị N có đơn phản tố cho rằng, để bảo đảm cho khoản vay 3.500.000.000 đồng của ngày 29-3-2022, chị L và chị N điều thừa nhận cả hai thỏa thuận để chị L đứng tên hộ thửa đất số 293, tờ bản đồ số 01, diện tích 997 m^2 nhưng trong Giấy vay tiền có ghi nhầm là thửa 269, diện tích 597 m^2. Phần đất này chị N mua của anh Nguyễn Ngọc O, chị Võ Thị N1 và nhờ chị L đứng hợp đồng chuyển nhượng và đứng tên hộ. Ngày 09-5-2022 chị L được Sở T3 cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ 476921, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 06171. Do đó, chị yêu cầu chị L trả lại chị thửa đất nêu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc O *và chị* Võ Thị N1 *vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày như sau*: Năm 2021 vợ chồng anh

chị có bán cho chị Nguyễn Thị Cẩm N diện tích đất hơn 7.000 m 2, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh với giá 4.550.000.000 đồng. Hai bên có làm hợp đồng đặt cọc, khi ký hợp đồng chị N có đưa trước cho anh chị 500.000.000 đồng, số tiền 4.050.000.000 đồng hai bên thỏa thuận sẽ giao đủ khi ra phòng công chứng làm thủ tục sang tên.

Anh chị không có giao dịch mua bán đất với chị L, cũng không có nhận tiền từ chị L và đã nhận đủ của chị N là 4.550.000.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng đặt cọc, khoảng mấy tháng sau chị N mới kêu vợ chồng anh ra phòng Công chứng Trần Tất D làm thủ tục sang tên, anh chị không nhớ ngày tháng cụ thể nhưng toàn bộ hợp đồng là do chị N nhờ phòng công chứng soạn sẵn, vợ chồng anh chị chỉ ra ký tên xong rồi về.

Vợ chồng anh chị chỉ biết mua bán đất và nhận tiền từ chị N, còn lý do vì sao chị N để chị L đứng tên hợp đồng chuyển nhượng thì anh chị không biết, giữa hai bên có thỏa thuận giao dịch hay làm ăn gì với nhau không anh chị cũng không biết.

Hiện đất vợ chồng đã bán, tranh chấp giữa hai bên do Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết, anh chị không có tranh chấp hay yêu cầu gì. Do không có thời gian nên anh chị xin vắng mặt, không tham gia.

** Tại bản án số 17/2024/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Thúy L.

Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm N có nghĩa vụ trả cho chị Mai Thị Thúy L số tiền nợ gốc 3.703.066.600 đồng và tiền lãi 1.564.608.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi buộc chị N trả cho chị L là 5.267.674.600 (*năm tỷ hai trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm)* đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu đòi lại tài sản là QSDĐ của chị Nguyễn Thị Cẩm N đối với chị Mai Thị Thúy L.

Buộc chị Mai Thị Thúy L trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm N thửa đất số 293, tờ bản đồ số 01, diện tích 997 m^2 tọa lạc tại: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Tài sản này dùng để đảm bảo trả nợ cho chị L.

Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, quyền và nghĩa vụ điều chỉnh GCNQSDĐ và quyền kháng cáo.

Ngày 12-3-2024, chị N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét trong khoản tiền vay 3.500.000.000 đồng ngày 29-3-2022, chị đã trả cho chị L 1.500.000.000 đồng vào tháng 8 năm 2022, yêu cầu tính lại khoản tiền lãi quá hạn, chị L đồng ý gia hạn hợp đồng vay nên vẫn lấy lãi trong hạn nhưng cấp sơ thẩm tính lãi quá hạn là không đúng.

Ngày 14-3-2024, chị L, anh T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:***

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng:

Chị L cho rằng số tiền 2.500.000.000 đồng chị N trả cho chị ngày 06-01-2023 là số tiền chị N trả cho các khoản nợ vay trước ngày 29-3-2022 mà chị L chuyển khoản cho chị N các ngày 14-02-2022 (500.000.000 đồng), ngày 16-02-2022 và ngày 11-3-2022 (mỗi ngày chuyển khoản 1.000.000.000 đồng). Tuy nhiên, căn cứ bản sao kê chuyển khoản giữa hai bên thể hiện từng lần chuyển khoản chị L đều cộng số tiền đã chuyển khoản trước đó ghi vào nội dung chuyển khoản của lần sau, do đó, số tiền chuyển khoản và nội dung chuyển khoản không khớp nhau. Ngày 29-3-2022, chị L chỉ chuyển khoản 1.000.000.000 đồng nhưng hai bên viết giấy nợ 3.500.000.000 đồng, nội dung chuyển khoản cũng thể hiện số tiền 3.500.000.000 đồng là tổng số tiền chuyển khoản của 04 lần cộng lại.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của chị L trình bày thời điểm ngày 06-01-2023, chị N còn nợ chị L hai khoản vay nhưng giấy tờ giao nhận tiền không thể hiện trả cho khoản vay nào. Chị L không chứng minh được ngoài hai khoản vay này chị N còn nợ khoản nào khác. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị L.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

Chị N cho rằng đã trả số tiền 1.500.000.000 đồng của khoản vay 3.500.000.000 đồng ngày 29-3-2022 bằng tiền mặt nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Chị N thừa nhận tất cả tiền chuyển nhượng đất của chị L chị đều thanh toán bằng chuyển khoản cho chị L, nhưng lại cho rằng trả tiền vay cho chị L bằng tiền mặt, không làm biên nhận là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với việc tính lãi quá hạn, chị N cho rằng chị L đồng ý nhận tiền lãi của chị sau khi hết thời hạn trả tiền gốc nhưng cấp sơ thẩm tính lãi quá hạn là không đúng. Xét thấy, sau khi hết thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng vay, hai bên thừa nhận không thỏa thuận gia hạn hợp đồng. Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của chị L xác định chị L không đồng ý gia hạn hợp đồng cho chị N nên cấp sơ thẩm tính lãi quá hạn là có căn cứ, đúng với quy định tại Điều 467 của Bộ luật Dân sự.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị L, chị N phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Mai Thị Thúy L, chị Nguyễn Thị Cẩm N; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 166, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Thúy L.

Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm N có nghĩa vụ trả cho chị Mai Thị Thúy L số tiền nợ gốc 3.703.066.600 đồng và lãi suất 1.564.058.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi buộc chị N trả cho chị L là 5.267.674.600 (*năm tỷ hai trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm)* đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 28-02-2024 nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất của chị Nguyễn Thị Cẩm N đối với chị Mai Thị Thúy L.

Buộc chị Mai Thị Thúy L trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm N thửa đất số 293, tờ bản đồ số 01, diện tích 997 m^2 tọa lạc tại: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Tài sản này dùng để đảm bảo trả nợ cho chị L.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ theo bản án đã tuyên điều chỉnh Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: số DĐ 476921, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 06171, thửa đất số 293, tờ bản đồ số 01, diện tích 997 m^2 do Sở T3 cấp ngày 09-5-2022 cho chị Mai Thị Thúy L đứng tên. Đất tọa lạc tại: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh sang tên chị Nguyễn Thị Cẩm N.

3. Về chi phí thẩm định: Chị N tự nguyện chịu 1.000.000 đồng (đã nộp và chi phí xong).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu 113.267.700 (*một trăm mười ba triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0002148 ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh theo, còn lại phải nộp tiếp 112.967.700 (*một trăm mười hai triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm)* đồng.

Chị Mai Thị Thúy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu không được chấp nhận là 76.406.600 đồng và 300.000 đồng án phí đòi tài sản. Tổng cộng là 76.706.400 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.250.000 đồng theo Biên lai thu số 0002201 ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, còn lại phải nộp tiếp 19.156.500 (*mười chín triệu một trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm)* đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chị L phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm dân sự đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số 0002526 ngày 19-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị L đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Chị N phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm dân sự đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số 0002497 ngày 14-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị N đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

6**.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TP Tây Ninh;
- Chi cục THADS TPTN;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Mai